UBND PHƯỜNG MỸ LỘC
**TRƯỜNG MN MỸ HƯNG**

Số: 56/QĐ - MNMH

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Mỹ Lộc, ngày 13 tháng 3 năm 2026*

# QUYẾT ĐỊNH
**V/v kiện toàn phân công chuyên môn năm học 2025 - 2026**

## HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON MỸ HƯNG

*Căn cứ Điều lệ trường mầm non tại Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ giáo dục và Đào tạo;*

*Căn cứ vào nhiệm vụ, quyền hạn của Hiệu trưởng trường mầm non*

*Căn cứ thực hiện nhiệm vụ năm học 2025 – 2026;*

*Căn cứ vào tình hình thực tế của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên;*

*Xét yêu cầu công tác năng lực chuyên môn của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trường mầm non Mỹ Hưng;*

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1**: Phân công nhiệm vụ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên trong hội đồng sư phạm Trường mầm non Mỹ Hưng năm học 2025 – 2026 *(Có danh sách phân công cụ thể kèm theo).*

**Điều 2**: Cán bộ, giáo viên, nhân viên trong hội đồng sư phạm căn cứ vào nhiệm vụ cụ thể được phân công có trách nhiệm xây dựng kế hoạch hoạt động và thực hiện kế hoạch cho phù hợp với đặc thù công việc được giao.

**Điều 3**: Các đồng chí có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày 13 tháng 3 năm 2026.

***Nơi nhận:***
- Phòng VHXH phường Mỹ Lộc;
- Như Điều 3( để t/h);
- Lưu VT.

**HIỆU TRƯỞNG**

U.B.N.D PHƯỜNG MỸ LỘC T. NINH BÌNH
TRƯỜNG MẦM NON MỸ HƯNG

**Đào Thị Xuyên**

UBND PHƯỜNG MỸ LỘC
**TRƯỜNG MẦM NON MỸ HƯNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# BẢNG PHÂN CÔNG CHUYÊN MÔN NĂM HỌC 2025 - 2026 ( Thời điểm tháng 3 năm 2026)

*(Kèm theo quyết định số: 56 /QĐ-MNMH ngày 13/ 3/2026 của hiệu trưởng trường mầm non Mỹ Hưng)*

| STT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | Năm vào ngành | Trình độ | Chức vụ | | Hợp đồng làm việc | Hợp đồng lao động | | Hợp đồng địa phương | Nhiệm vụ được phân công | Ghi chú | Điều chỉnh, thay đổi | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Chính quyền | Đảng, đoàn thể | Viên chức | GVMN hợp đồng NBC (NQ 111) | Trong đó Hợp đồng tỉnh | | | | Nội dung điều chỉnh | Thời gian thực hiện |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 |
| 1 | Đào Thị Xuyên | 07/11/1971 | 1989 | ĐHSPMN | Hiệu trưởng | Bí thư chi bộ | 1 | | | | Quản lý phụ trách chung các hoạt động, công tác tham mưu, QLCSVC, QLtài chính, QL con người, ký duyệt hồ sơ nuôi ăn | | | |
| 2 | Trần Thị Sen | 14/01/1975 | 1992 | ĐHSPMN | P. hiệu trưởng | | 1 | | | | QL phụ trách CMMG, phụ trách phổ cập XMC,CSDLN, CNTT, KĐCL SHCM tháng, ngày hội, ngày lễ | | | |
| 3 | Đặng Thị Thu Hương | 17/10/1978 | 1993 | ĐHSPMN | P. hiệu trưởng | Bí thư chi bộ | 1 | | | | QL phụ trách CM NT; tính ăn, tính khẩu phần ăn, kiểm tra nội bộ, phụ trách tài sản, công tác tạo môi trường | | | |
| 4 | Đặng Thị Thu Hiền | 16/09/1995 | 2016 | ĐHSPMN | Giáo viên | | 1 | | | | Giáo viên 5- 6 tuổi A | | | |
| 5 | Đặng Thùy Linh | 28/04/1987 | 2019 | ĐHSPMN | Giáo viên | | 1 | | | | Giáo viên 5- 6 tuổi A kiêm CTVT | | | |
| 6 | Đặng Thị Hồng Yến | 27/03/1996 | 2017 | ĐHSPMN | Giáo viên | | 1 | | | | Giáo viên 5- 6 tuổi B | | | |
| 7 | Đặng Thị Ngọc | 21/08/1978 | 1994 | CĐSPMN | Giáo viên | | 1 | | | | Giáo viên 5- 6 tuổi B | | | |
| 8 | Đặng Hải Yến | 08/08/1995 | 2016 | CĐSPMN | Giáo viên | | 1 | | | | Giáo viên 5- 6 tuổi C kiêm BTĐTN | | | |
| 9 | Đặng Thị Thúy | 06/02/1974 | 1991 | CĐSPMN | Giáo viên | | 1 | | | | Giáo viên 5-6 tuổi C | | | |

| | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 10 | Đặng Thị Hồng Ngân | 11/07/1993 | 2018 | ĐHSPMN | GV-Tổ trưởng MG | | 1 | | | | Giáo viên 5- 6 tuổi D | | | |
| 11 | Đặng Thị Thu | 08/10/1973 | 2007 | CĐSPMN | Giáo viên | | 1 | | | | Giáo viên 5- 6 tuổi D | | | |
| 12 | Đặng Thị Huệ | 09/08/1974 | 1991 | CĐSPMN | Giáo viên | | 1 | | | | Giáo viên 4-5 tuổi A | | | |
| 13 | Đặng Thị Lan | 05/11/1979 | 2005 | ĐHSPMN | Giáo viên | | 1 | | | | Giáo viên 4-5 tuổi B | | | |
| 14 | Trần Thị Thùy | 06/06/1997 | 2018 | CĐSPMN | Giáo viên | | 1 | | | | Giáo viên 4-5 tuổi B | | | |
| 15 | Đặng Thị Thúy Liễu | 03/9/1994 | 2019 | ĐHSPMN | Giáo viên | | 1 | | | | Giáo viên 4-5 tuổi C | | | |
| 16 | Hồ Thị Loan | 16/07/1987 | 2008 | ĐHSPMN | Giáo viên | | 1 | | | | Giáo viên 4-5 tuổi D | | | |
| 17 | Đặng Thị Mai | 01/5/1976 | 1992 | CĐSPMN | Giáo viên | | 1 | | | | Giáo viên 4-5 tuổi D | | | |
| 18 | Nguyễn Thị Hương | 17/9/1981 | 2017 | ĐHSPMN | Giáo viên | | | 1 | | | Giáo viên 3-4 tuổi A | | | |
| 19 | Trần Thị Oanh | 04/07/1989 | 2012 | ĐHSPMN | Giáo viên | | 1 | | | | Giáo viên 3-4 tuổi B | | | |
| 20 | Đặng Nhật Lệ | 16/05/2000 | 2025 | CĐSPMN | Giáo viên | | | 1 | | | Giáo viên 3-4 tuổi B | | | |
| 21 | Vũ Thị Huyền Trang | 23/08/1994 | 2017 | ĐHSPMN | GV-Tổ phó MG | | 1 | | | | Giáo viên 3-4 tuổi C | | | |
| 22 | Nguyễn Phương Thùy | 07/02/1987 | 2017 | ĐHSPMN | Giáo viên | | 1 | | | | Giáo viên 3-4 tuổi D | | | |
| 23 | Đặng Thị Hoài | 20/05/1972 | 1999 | CĐSPMN | Giáo viên | | 1 | | | | Giáo viên 3-4 tuổi D | | | |
| 24 | Đặng Thị Hà | 22/11/1973 | 1994 | ĐHSPMN | GV-Tổ phó NT | | 1 | | | | Giáo viên 24-36T A | | | |
| 25 | Trần Thùy Dung | 11/10/1993 | 2019 | CĐSPMN | Giáo viên | | 1 | | | | Giáo viên 24-36T A | | | |
| 26 | Trần Thị Linh | 16/03/1989 | 2012 | ĐHSPMN | GV-Tổ trưởng NT | | 1 | | | | Giáo viên 24-36T B | | | |
| 27 | Đặng Thị Hoa | 25/01/1975 | 1994 | ĐHSPMN | Giáo viên | | 1 | | | | Giáo viên 24-36T B | | | |
| 28 | Đặng Thị Trang | 20/11/1991 | 2015 | ĐHSPMN | Giáo viên | | 1 | | | | Giáo viên 24-36T C | | | |
| 29 | Đặng Thị Oanh | 10/12/1972 | 1990 | CĐSPMN | Giáo viên | | 1 | | | | Giáo viện 24-36T C | | | |
| 30 | Lê Thị Tuyết Lành | 21/10/1981 | 2008 | ĐHSPMN | Giáo viên | | 1 | | | | Giáo viện 24-36T D | | | |
| 31 | Đặng Thanh Vân | 26/02/1995 | 2024 | ĐHKT | NV-Tổ trưởng VP | | 1 | | | | Nhân viên - Kế toán | | | |
| 32 | Đặng Thị Huế | 19/9/1993 | 2026 | CĐSPMN | Giáo viên | | | 1 | | | Giáo viên 24-36T B | | | |
| 33 | Nguyễn Thị Thu Thủy | 26/11/1998 | 2026 | CĐSPMN | Giáo viên | | | 1 | | | Giáo viện 24-36T D | | | |
| 31 | Đặng Thị Hiền | 15/3/1963 | 2022 | CCNA | Nhân viên | | | | | 1 | Nhân viên - dinh dưỡng | | | |
| 35 | Đặng Thị Nguyệt | 15/12/1962 | 2018 | CQĐT | Nhân viên | | | | | 1 | Nhân viên - dinh dưỡng | | | |
| 36 | Đặng Thị Tơ | 01/01/1968 | 2024 | CQĐT | Nhân viên | | | | | 1 | Nhân viên - dinh dưỡng | | | |
| 37 | Đặng Thị Thúy | 01/8/1966 | 2024 | CQĐT | Nhân viên | | | | | 1 | Nhân viên - dinh dưỡng | | | |
| 38 | Đặng Thị Chín | 28/03/1963 | 2021 | CĐSPMN | Nhân viên | | | | | 1 | Nhân viên - dinh dưỡng | | | |

| | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 39 | Đặng Thị Sơn | 06/02/1964 | 2022 | TCSPMN | Nhân viên | | | | | 1 | Nhân viên - dinh dưỡng | | | |
| 40 | Đặng Văn Tiến | 01/05/1960 | 2017 | CQĐT | Nhân viên | | | | | 1 | Nhân viên - Bảo vệ | | | |
| 41 | Đặng Đình Thắng | 20/8/1960 | 2020 | CQĐT | Nhân viên | | | | | 1 | Nhân viên - Bảo vệ | | | |
| **Cộng** | | | | | | | **29** | **4** | | **8** | | | | |

**Người lập biểu**

**HIỆU TRƯỞNG**

U.B.N.D PHƯỜNG MỸ LỘC T.NINH BÌNH
TRƯỜNG MẦM NON MỸ HƯNG

**Trần Thị Sen**

**Đào Thị Xuyên**